

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 8 - 2022
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết T – Chức vụ : Tổng giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Giồng Riềng (có mặt).

Địa chỉ: số 10, khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Lim Quang M, sinh năm: 1948 và bà Lê Thị K, sinh năm: 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà K: Anh Lim Bảo K, sinh năm:

1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng C, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trung H trình bày: Ông Lim Quang M và bà Lê Thị K có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Giồng Riềng với hai khoản vay như sau:

Chương trình cho vay hỗ trợ học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: số tiền vay gốc là 49.800.000 đồng, lãi suất cho vay là 0.5%/tháng, cho vay dài hạn, ngày vay là ngày 22/10/2008. Mục đích cho vay nhằm phục vụ chi phí học tập cho con ông M - bà K. Tại thời điểm vay giữa Ngân hàng C và ông M - bà K có ký thỏa thuận tại “giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay”. Nhưng do Nhà nước có chủ trương đổi thành sổ vay vốn vào năm 2009 nên việc theo dõi và thu hồi nợ được thể hiện tại sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời. Đối với khoản vay này phía ông M - bà K đã trả cho Ngân hàng C số tiền vốn gốc là 32.000.000 đồng và nợ lãi là 18.253.293 đồng. Tính đến nay, ông M - bà K còn nợ Ngân hàng C số tiền vay gốc là 17.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1.848.156 đồng.

Chương trình vay hỗ trợ cho vay kinh doanh, ngày vay là ngày 22/3/2017, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 22/11/2021, số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0.75%/tháng. Đối với khoản vay này, ông M - bà K đã trả cho Ngân hàng số tiền là 19.455.778 đồng. Tính đến nay, ông M - bà K còn nợ khoản vay này gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 4.873.072 đồng.

Cả hai khoản vay trên đã quá thời hạn trả, phía Ngân hàng C đã nhiều lần nhắc nhở ông M - bà K thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng phía ông M - bà K không có thiện chí trả nợ. Do đó xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của phía Ngân hàng C bị xâm phạm nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M - bà K giao trả số tiền vay gốc của hai khoản vay còn nợ là 67.800.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 6.721.228 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng C yêu cầu ông M - bà K tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong số nợ trên theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn kiêm sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

Bị đơn ông Lim Quang M và bà Lê Thị K không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của phía Ngân hàng C đối với hai khoản vay trên. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông M - bà K có ý kiến thống nhất đối với các khoản vay nợ mà ông M - bà K còn nợ Ngân hàng C. Ông M - bà K đồng ý trả khoản vay còn nợ cho Ngân hàng C nhưng xin được trả dần, vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ông M - bà K đã hết tuổi lao động lại bệnh tật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Công Nguyễn Trung H không thống nhất với cách thức trả nợ trên của ông M - bà K.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Công khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lim Quang M và bà Lê Thị K giao trả tiền của hai khoản vay còn nợ gồm gốc là 67.800.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 6.721.228 đồng. Mặc dù, ông M - bà K không có ý kiến đối với hai khoản nợ trên nhưng tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của ông M - bà K đã thừa nhận và xin được trả dần. Mặt khác, căn cứ vào sổ vay vốn kiêm sổ lưu tờ rời, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay do phía Ngân hàng Công cung cấp có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông M - bà K chịu nhưng do ông M - bà K là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông M - bà K.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Công khởi kiện yêu cầu ông Lim Quang M và bà Lê Thị K cùng liên đới giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông M - bà K có địa chỉ cư trú tại, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Công về việc buộc ông M - bà K giao trả số tiền vay còn nợ của hai khoản vay gồm: khoản vay chương trình cho vay hỗ trợ học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền gốc còn nợ là 17.800.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 1.848.156 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 19.648.156 đồng và khoản vay chương trình cho vay sản xuất kinh doanh số tiền gốc còn nợ là 50.0000.000 đồng, tiền lãi còn phải trả tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 4.873.072 đồng. Đối với các khoản vay trên còn nợ, phía ông M - bà K thừa nhận và đồng ý trả nhưng xin trả dần. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh vì đã được các bên đương sự xác nhận với nhau nên Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu ông M - bà K giao trả số nợ trên của hai khoản vay là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự

năm 2015. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc ông M - bà K cùng liên đới giao trả số tiền của hai khoản vay còn nợ gồm gốc và lãi 74.521.228 đồng. Tuy nhiên, giữa Ngân hàng C và ông M - bà K không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng quyết định khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông M - bà K còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của hai khoản vay gốc còn nợ là 67.800.000 đồng theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn, sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 74.521.228 đồng $\times 5\% = 3.726.061$ đồng, làm tròn là 3.726.000 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên ông M - bà K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.726.000 đồng nhưng do ông M - bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông M - bà K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Lim Quang M và bà Lê Thị K cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền vay của khoản cho vay chương trình hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đi học gốc là 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng), tiền lãi là 1.848.156 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn một trăm năm mươi sáu đồng) và khoản vay chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.873.072 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm bảy mươi hai đồng) tạm tính đến ngày 24 tháng 8 năm 2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Lim Quang M và bà Lê Thị K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông bà còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận cho vay giữa Ngân hàng C và ông Lim Quang M, bà Lê Thị K đối với từng khoản vay.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Lim Quang M và bà Lê Thị K.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 - 8 - 2022);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương